THỰC TRẠNG THÁI ĐỘ CỦA SINH VIÊN ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐỒNG TÍNH

NGUYỄN NGỌC THỤY VY
Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 27/6/2025. Sửa chữa xong 01/7/2025. Duyệt đăng 05/7/2025.

Abstract

The study aims to examine the attitudes of university students in Ho Chi Minh City toward homosexual individuals. The research sample includes students from Ho Chi Minh City University of Education (HCMUE) and Pham Ngoc Thach University of Medicine (PNTU). Attitudes were assessed across five aspects: condemnation/ tolerance, social norms, morality, personal connection, and prejudice. The results indicate that students generally hold positive attitudes towards homosexual individuals. Among the five aspects, students expressed the most positive attitude in the "morality" aspect and the least positive in the "prejudice" aspect. Female students demonstrated more positive attitudes towards homosexual individuals compared to male students.

Keywords: *Homosexual individuals, homosexuality, university students, attitude, education, teacher education, medicine.*

1. Đặt vấn đề

Các vấn đề về bình đẳng giới đã và đang là mối quan tâm của thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng. Bên cạnh việc thúc đẩy bình đẳng giới giữa nam và nữ, bình đẳng giới hiện nay còn đặc biệt hướng đến sự bình đẳng cho những người thuộc cộng đồng LGBT+ (bao gồm người đồng tính nữ, đồng tính nam, người song tính và người chuyển giới), đòi hỏi phải xóa bỏ mọi rào cản mà họ đang phải đối mặt. Mặc dù đã có những bước tiến mới giúp nâng cao vai trò và vị trí của người thuộc cộng đồng, các vấn đề về kỳ thị, định kiến và phân biệt đối xử vẫn còn phổ biến.

Đáng lo ngại hơn, ngay cả trong những môi trường có vai trò quan trọng và có ảnh hưởng sâu sắc như giáo dục và y tế cũng tồn tại những vấn đề tương tự. Tại Việt Nam, theo báo cáo của Viện nghiên cứu Xã hội Kinh tế và Môi trường (ISEE) & Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS) [10] cộng đồng này ước tính chiếm khoảng 9 - 11% dân số, trong đó người đồng tính chiếm tỷ lệ lớn và thường xuyên phải đối mặt với bạo lực thể chất, quấy rối tinh thần cũng như các hình thức phân biệt đối xử, đặc biệt trong môi trường học đường và y tế. Các kết quả khảo sát cho thấy một bộ phận không nhỏ người đồng tính từng bị phân biệt đối xử, nghe phải những nhận xét tiêu cực, xúc phạm bằng lời nói,… bởi bạn bè, giáo viên, cán bộ nhà trường và nhân viên y tế [9]. Thực trạng này này đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc đánh giá thái độ xã hội đối với người đồng tính, đặc biệt là ở nhóm đối tượng có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sống và cơ hội phát triển của người đồng tính.

Trong bối cảnh đó, việc tìm hiểu thái độ của sinh viên (SV) các ngành Sư phạm và Y khoa mang ý nghĩa quan trọng. Đây là lực lượng tương lai sẽ làm việc trong môi trường giáo dục và y tế – hai lĩnh vực có tác động sâu sắc đến sức khỏe tinh thần và sự phát triển toàn diện của một cá nhân, bao gồm cả người đồng tính. Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần định hướng việc xây dựng môi trường học đường và chăm sóc sức khỏe thân thiện và bình đẳng. Đồng thời, nghiên cứu về thái độ còn là nền tảng cho các nghiên cứu sâu hơn về những vấn đề liên quan đến người đồng tính. Chính vì vậy, việc nghiên cứu thực trạng thái độ của SV nhóm ngành Sư phạm và Y khoa tại TP. Hồ Chí Minh là điều cần thiết.

Email: nguyenngocthuyvycb@gmail.com

2. Phương pháp và khách thể nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Công cụ nghiên cứu là bảng hỏi được thiết kế bao gồm 2 phần:

Phần 1: Tìm hiểu thông tin nhân khẩu học của khách thể: giới tính, trường học, năm học và ngành học.

Phần 2: Tìm hiểu thực trạng thái độ của SV đối với người đồng tính, được xây dựng dựa trên Thang đo Thành phần thái độ đối với người đồng tính (Component Measure of Atttitudes Towards Homosexuality) [2].

Thang đo đánh giá thái độ của SV đối với người đồng tính dựa trên 5 biểu hiện thành phần: lên án/ khoan dung, chuẩn mực xã hội, đạo đức, liên hệ và định kiến. Mỗi câu trong thang đo được đánh giá theo thang Likert 5 mức độ, từ 1 (hoàn toàn đồng ý) đến 5 (hoàn toàn không đồng ý). Thái độ chung và thái độ từng mặt biểu hiện được tính bằng điểm trung bình (ĐTB) của tất cả các câu trong thang đo (tiểu thang đo). Điểm trung bình càng cao, thái độ càng tích cực và điểm trung bình càng thấp, thái độ càng tiêu cực.

Điểm trung bình được quy đổi thành các mức độ thái độ dựa theo nguyên tắc: chia thang đo Likert 5 mức độ thành 5 phần đều nhau và phân phối mỗi phần tương ứng với một giá trị của thang đo: Giá trị khoảng cách = (Maximum – Minimum)/5 = (5-1)/5 = 0.8. Cách quy đổi ĐTB được trình bày cụ thể trong bảng 1.

ĐTB	Mức độ thái độ
1.00 – 1.80	Thái độ rất tiêu cực
1.81 – 2.60	Thái độ tiêu cực
2.61 – 3.40	Thái độ trung lập
3.41 – 4.20	Thái độ tích cực
4.21 – 5.00	Thái độ rất tích cực

Bảng 1: Quy đổi mức độ thái độ

Về khách thể, nghiên cứu tập trung vào thực trạng thái độ của SV thuộc các ngành Sư phạm và các ngành Y. Vì vậy, tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, chỉ nghiên cứu SV thuộc các ngành trong lĩnh vực Khoa học giáo dục và Đào tạo giáo viên. Tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch nghiên cứu SV tất cả các ngành đào tạo. Tổng số phiếu hợp lệ là 384 phiếu. Phân bố mẫu nghiên cứu được trình bày ở bảng 2.

Biến nhân khẩu học		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	150	39.1
	Nữ	234	60.9
	Tổng	**384**	**100**
Trường học	ĐHSP TPHCM	194	50.5
	ĐHYK PNT	190	49.5
	Tổng	**384**	**100**
Năm học	Năm 1	115	29.9
	Năm 2	140	36.5
	Năm 3	38	9.9
	Năm 4	49	12.8
	Năm 5	17	4.4
	Năm 6	25	6.5
	Tổng	**384**	**100**

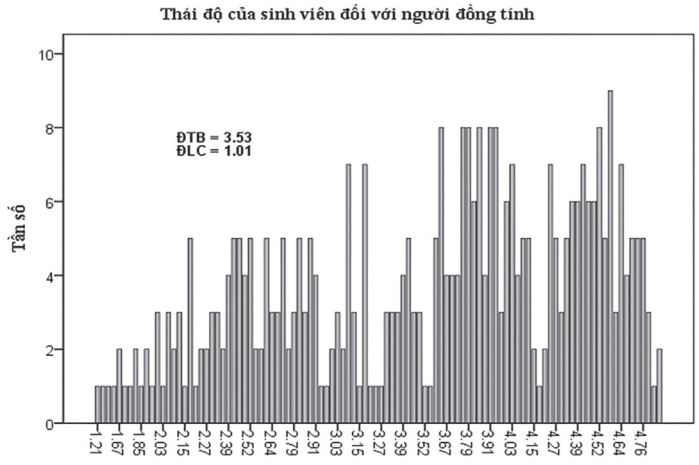
Bảng 2: Phân bố mẫu nghiên cứu

Bảng 2 cho thấy trong tổng số 384 SV có 150 (39.1%) SV nam và 234 (60.9%) SV nữ. Về trường học, SV đến từ Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh là 194 SV, chiếm 50.5% và 190 SV đến từ Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, chiếm 49.5%. Về năm học, có 115 (29.9%) SV năm

1, 140 (36.5%) năm 2, 38 (9.9%) năm 3, 49 (12.8%) năm 4, 17 (4.4%) năm 5 và năm 6 là 25 (6.5%) SV. Về ngành học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh hiện tại đang đào tạo 24 ngành thuộc lĩnh vực Khoa học giáo dục và Đào tạo giáo viên, nghiên cứu thu được số liệu SV đến từ 18 ngành học, với số lượng dao động từ 6 đến 25 SV mỗi ngành. Đối với Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, hiện tại đang đào tạo 12 ngành tất cả và số liệu SV thu được đến từ 11 ngành, dao động từ 8 đến 38 SV mỗi ngành.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Kết quả thực trạng thái độ của sinh viên đối với người đồng tính



Biểu đồ 1: Phân bố thái độ chung của SV đối với người đồng tính

Biểu đồ 1 cho thấy thái độ của SV đối với người đồng tính phân bố đa dạng, với phạm vi điểm rộng, dao động từ 1.21 đến 4.76. Quan sát xu hướng chung, phân bố điểm số có xu hướng tăng dần khi tiến về phía bên phải của biểu đồ, cho thấy các mức điểm trung bình cao xuất hiện với tần suất lớn hơn. Với ĐTB = 3.53, thái độ của SV đối với người đồng tính ở mức tích cực. Mức độ tích cực thể hiện sự khoan dung của SV và họ cho rằng sự hiện diện của người đồng tính trong xã hội là phù hợp với các chuẩn mực xã hội. SV không coi đồng tính là một hành vi phi đạo đức mà nhìn nhận như một xu hướng tính dục tự nhiên. Họ cũng sẵn sàng trò chuyện và kết bạn với người đồng tính và ít bị ảnh hưởng bởi các định kiến tiêu cực. Tuy nhiên với ĐLC = 1.01, cho thấy có sự phân hóa cao trong thái độ giữa cá nhân. Các số liệu cụ thể ở từng mức độ được trình bày trong bảng 3.

ĐTB	Mức độ	Tần số	Tỷ lệ (%)
1.00 – 1.80	Thái độ rất tiêu cực	8	2.1%
1.81 – 2.60	Thái độ tiêu cực	64	16.7%
2.61 – 3.40	Thái độ trung lập	81	21.1%
3.41 – 4.20	Thái độ tích cực	121	31.5%
4.21 – 5.00	Thái độ rất tích cực	110	28.6%
Tổng		**384**	**100%**

Bảng 3: Kết quả thái độ chung của SV đối với người đồng tính

Kết quả nghiên cứu trong bảng 3 cho thấy phần lớn SV có thái độ tích cực (31.8%) và rất tích cực (28.6%) đối với người đồng tính, chiếm tổng 60.4%. Trong khi đó, tỷ lệ SV có thái độ tiêu cực (16.7%) và rất tiêu cực (2.1%), chiếm tổng 18.8%. Còn lại 21.1% giữ thái độ trung lập. Mặc dù thái độ tích cực và rất tích cực chiếm ưu thế nhưng con số 18.8% (thái độ tiêu cực và rất tiêu cực) vẫn là một con số đáng chú ý. Đồng thời, thái độ trung lập chiếm 21.1% thể hiện rằng vẫn còn một bộ phận SV còn do dự trong việc thể hiện quan điểm rõ ràng (bảng 4).

Các tiểu thang đo biểu hiện thành phần	ĐTB	ĐLC	Mức độ
Lên án/Khoan dung	3.68	1.00	Tích cực
Chuẩn mực xã hội	3.70	1.00	Tích cực
Đạo đức	3.78	1.09	Tích cực
Liên hệ	3.65	0.87	Tích cực
Định kiến	2.98	1.10	Trung lập
ĐTB Tổng	**ĐTB**	**ĐLC**	**Mức độ**
	3.53	**1.01**	**Tích cực**

Bảng 4: Kết quả biểu hiện các thành phần thái độ và thái độ chung của SV đối với người đồng tính

Bảng 4 thể hiện thái độ chung của SV đối với người đồng tính là 3.53 ở mức tích cực. Đầu tiên, với thành phần *"lên án/ khoan dung"*, ĐTB = 3.68 cho thấy rằng SV thể hiện sự khoan dung và chấp nhận hơn là lên án và người đồng tính. Thành phần *"chuẩn mực xã hội"*, ĐTB = 3.70 cho thấy SV có xu hướng chấp nhận sự tồn tại của người đồng tính trong xã hội, cho rằng người đồng tính có thể hòa nhập vào xã hội và phù hợp với các chuẩn mực xã hội. So với trước đây, khi đồng tính bị xem là một căn bệnh hoặc gắn liền với HIV/AIDS, thì gần như người đồng tính không được chấp nhận trong xã hội. Thành phần có điểm trung bình cao nhất là *"đạo đức"* với ĐTB = 3.78, cho thấy SV không xem đồng tính và phi đạo đức và kỳ thị về mặt đạo đức. Thành phần *"liên hệ"* cũng ở mức độ tích cực với ĐTB = 3.65, phản ánh rằng SV không e ngại khi kết bạn, sẵn sàng tiếp xúc và trò chuyện với người đồng tính, cho thấy thái độ hòa nhập khá cao. Thành phần có điểm trung bình thấp nhất là *"định kiến"* với ĐTB = 2.98, đạt mức thái độ trung lập. Điều này phản ánh một bộ phận SV vẫn giữ một số định kiến với người đồng tính. Đáng lưu ý, điểm tổng thái độ và các thành phần (ngoại trừ thành phần *"liên hệ"*) đều có độ lệch chuẩn cao (ĐLC > 1.00), cho thấy vẫn có sự phân hóa trong thái độ giữa các nhóm cá nhân, bên cạnh thái độ tích cực vẫn tồn tại một bộ phận SV có thái độ và nhận định riêng biệt.

Tóm lại, các thành phần thái độ phần lớn đạt mức tích cực, bao gồm: lên án/ khoan dung (ĐTB = 3.68), chuẩn mực xã hội (ĐTB = 3.70), đạo đức (ĐTB = 3.78) và liên hệ (ĐTB = 3.65). Thành phần *"đạo đức"* có điểm trung bình cao nhất (ĐTB = 3.78), cho thấy SV không coi đồng tính là một vấn đề lệch lạc hay sai trái về mặt đạo đức. Trong khi đó, thành phần *"liên hệ"* có điểm thấp nhất trong nhóm tích cực (ĐTB = 3.65), phản ánh thái độ cởi mở trong tương tác với người đồng tính, nhưng mức độ vẫn chưa thực sự mạnh mẽ. Riêng thành phần *"định kiến"* có điểm trung bình thấp nhất trong tất cả thành phần, đạt mức trung lập (ĐTB = 2.98), cho thấy vẫn tồn tại một bộ phận SV chưa hoàn toàn xóa bỏ định kiến hoặc còn phân vân về một số quan niệm liên quan đến người đồng tính.

Xét trên thang đo chung, không có yếu tố nào đạt mức rất tích cực, cho thấy dù SV có thái độ cởi mở nhưng chưa hoàn toàn chủ động ủng hộ và lên tiếng cho quyền của cộng đồng LGBT+ hay đấu tranh chống kỳ thị. Bên cạnh đó, không có thành phần nào rơi vào mức tiêu cực hay rất tiêu cực, thể hiện rằng SV không có xu hướng phản đối mạnh mẽ người đồng tính.

Nhìn chung, kết quả phản ánh một xu hướng đáng khích lệ khi SV ngày càng có thái độ tích cực hơn với người đồng tính. Tuy nhiên, mức độ tích cực chưa đạt mức tối đa, cho thấy vẫn còn không gian để nâng cao thái độ. Đặc biệt là ở thành phần *"định kiến"* vẫn còn tồn tại những vấn đề nhất định, cho thấy vẫn cần nâng cao nhận thức và thúc đẩy sự hiểu biết đúng đắn nhằm xóa bỏ những định kiến còn tồn tại. Đặc biệt trong bối cảnh xã hội hiện đại, khi các vấn đề về bình đẳng giới và quyền LGBT+ đang được đặt ra một cách nghiêm túc, việc nâng cao thái độ tích cực của SV trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. SV – với vai trò là lực lượng trẻ, có học thức và sẽ đóng vai trò chủ đạo trong tương lai – cần được trang bị nhận thức đúng đắn để góp phần xây dựng một xã hội cởi mở, công bằng và không kỳ thị.

3.2. Đối sánh thái độ của sinh viên đối với người đồng tính theo các biến nhân khẩu học

Việc xem xét có hay không sự khác biệt giữa thái độ của SV đối với người đồng tính và các biến nhân khẩu học sẽ cung cấp thêm các dữ kiện quan trọng. Biến nhân khẩu học thu thập được trong nghiên

cứu này bao gồm: giới tính, trường học, ngành học và trường học. Kết quả kiểm định sự khác biệt giữa các biến nhân khẩu học và thái độ được trình bày trong bảng 5.

Biến nhân khẩu học		Thái độ của SV đối với người đồng tính		
		ĐTB	ĐLC	Hệ số P
Giới tính	Nam	3.26	0.85	0.000
	Nữ	3.71	0.82	
Trường học	ĐHSP TPHCM	3.51	0.80	0.611
	ĐHYK PNT	3.56	0.92	
Năm học	Năm 1	3.35	0.85	0.052
	Năm 2	3.70	0.87	
	Năm 3	3.50	0.83	
	Năm 4	3.57	0.88	
	Năm 5	3.44	0.78	
	Năm 6	3.46	0.83	

Bảng 5: Kiểm định sự khác biệt giữa các biến nhân khẩu học với thái độ của SV đối với người đồng tính

Kết quả kiểm định sự khác biệt cho thấy các biến nhân khẩu học: trường học, năm học và ngành học không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (hệ số $p > 0.05$). Kết quả này được giải thích bởi vì khách thể nghiên cứu của đề tài là SV đại học, họ thuộc cùng một nhóm tuổi, vì vậy sẽ không có nhiều sự khác biệt về trình độ nhận thức và khả năng tư duy. Họ cũng dễ dàng tiếp cận nhiều nguồn thông tin và có xu hướng chấp nhận sự đa dạng. Về ngành học, dù là lĩnh vực Y học hay Sư phạm, chương trình giáo dục hiện nay không có sự khác biệt quá lớn trong việc đề cập đến các vấn đề xã hội. Với kết quả nghiên cứu, dù là SV thuộc trường nào, năm học hay ngành học nào cũng có các mức độ thái độ khác nhau, từ thái độ rất tiêu cực đến thái độ rất tích cực. Dù vậy, kết quả trung bình cho thấy không có sự khác biệt đáng kể ở các yếu tố trường học, năm học hay ngành học. Vì vậy, các biến nhân khẩu học nêu trên không quyết định thái độ của SV đối với người đồng tính.

Tuy nhiên, với biến giới tính, nhận thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thông kê với hệ số $p = 0.000 < 0.05$. Theo đó, điểm trung bình thái độ của nam là 3.30 và nữ là 3.73. Với mức điểm nêu trên, nam giới có thái độ trung lập đối với người đồng tính và nữ giới có thái độ tích cực với người đồng tính. Như vậy, nữ giới có thái độ tích cực hơn với người đồng tính so với nam giới. Kết quả này nhất quán với các nghiên cứu đi trước, cả trong nước và ngoài nước [1, tr. 6-8].

Vậy, vì sao có sự khác biệt trong thái độ đối với người đồng tính giữa nam giới và nữ tính? Sự khác biệt thái độ giữa nam giới và nữ giới có thể được giải thích từ niềm tin giá trị truyền thống về vai trò giới – đây cũng được xem là yếu tố ảnh hưởng quan trọng đến thái độ của xã hội đối với người đồng tính. Theo quan điểm truyền thống về vai trò giới, nam giới phải có đặc điểm tính cách nam tính và mạnh mẽ, có trách nhiệm lớn và giữ vai trò trụ cột gia đình. Trong khi, nữ giới phải dịu dàng, nữ tính, đảm đương việc nhà. Theo cách hiểu như vậy, vai trò giới truyền thống giúp nam giới khẳng định và củng cố địa vị, quyền lực của mình trong gia đình và xã hội. Mà xã hội lại tồn tại một định kiến về người đồng tính rằng, đồng tính nam thường thể hiện các đặc điểm của người nữ dị tính, đồng tính nữ thường có đặc điểm của người nam dị tính. Vì vậy, việc ủng hộ và chấp nhận người đồng tính, với họ là đi ngược lại với vai trò giới truyền thống. Đặc biệt là ủng hộ người đồng tính nam có thể khiến họ cảm thấy vị thế và quyền lực của mình bị đe đọa dẫn đến việc thể hiện thái độ tiêu cực. Việc thể hiện thái độ tiêu cực cũng giúp họ thể hiện sự phù hợp của bản thân với các chuẩn mực giới truyền thống. Một số nghiên cứu cũng đưa ra kết luận rằng nam giới đồng ý và ủng hộ vai trò giới truyền thống hơn so với nữ giới [4], [5]. Điều này càng củng cố cho cách giải thích nam giới và nữ giới có sự khác biệt trong thái độ đối với người đồng tính là xuất phát từ niềm tin về vai trò giới truyền thống.

Một cách lý giải khác có bản chất tương tự, là do sự ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo. Việt Nam là

đất nước chịu ảnh hưởng của Nho giáo trong khoảng 1900 năm. Với thời gian ảnh hưởng lâu dài, mặc dù đã suy vong trong hơn một trăm năm qua, Nho giáo vẫn để lại nhiều quan điểm trong văn hóa Việt Nam. Trong đó, với quan điểm "tam cương, ngũ cường", người đàn ông được kỳ vọng là trụ cột gia đình, có trách nhiệm duy trì dòng dõi và thực hiện bổn phận với tổ tiên. Mà đồng tính bị xem là đi ngược lại với trách nhiệm và vai trò của nam giới, vì người đồng tính nam không thể duy trì huyết thống theo cách truyền thống. Điều này khiến nhiều nam giới chịu áp lực phải tuân theo chuẩn mực dị tính, dẫn đến cái nhìn khuôn mẫu về một người đàn ông, từ đó hình thành thái độ tiêu cực với người đồng tính. Hơn nữa, một số người đàn ông có nỗi sợ bị quy chụp là người đồng tính. Một số nghiên cứu đã chứng minh điều này, đàn ông có xu hướng tránh xa người đồng tính vì lo sợ rằng việc tiếp xúc hay tỏ thái độ ủng hộ người đồng tính, sẽ ảnh hưởng đến cách người khác nhìn nhận họ [3].

4. Kết luận và khuyến nghị

Kết quả cho thấy thái độ chung của SV đối với người đồng tính ở mức tích cực, với ĐTN 3,53. Trong đó, 60,4% SV có thái độ tích cực và rất tích cực, tuy nhiên vẫn còn 18,8% có thái độ tiêu cực và rất tiêu cực, cùng 21,1% giữ thái độ trung lập – phản ánh một mức độ phân hóa đáng lưu ý trong nhận thức. Xét theo các biểu hiện thành phần cụ thể, SV thể hiện thái độ tích cực ở các mặt: khoan dung, chuẩn mực xã hội, đạo đức và liên hệ, trong khi vẫn giữ mức trung lập ở thành phần định kiến – điều này cho thấy dù có sự chấp nhận ngày càng lớn, định kiến vẫn âm ỉ tồn tại ở một bộ phận SV. Kết quả cũng ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong thái độ giữa SV nam và SV nữ, trong đó SV nữ thể hiện thái độ tích cực hơn so với SV nam. Sự khác biệt này có thể được lý giải bởi ảnh hưởng của niềm tin vào vai trò giới truyền thống và hệ tư tưởng Nho giáo còn tồn tại trong văn hóa xã hội, đặc biệt với nam giới – những người thường gắn liền với vai trò trụ cột và chịu áp lực lớn trong việc thể hiện chuẩn mực nam tính. Ngược lại, các biến nhân khẩu học khác như trường học, ngành học hay năm học không tạo nên sự khác biệt đáng kể trong thái độ, cho thấy rằng những yếu tố này không quyết định thái độ của SV đối với người đồng tính.

Tài liệu tham khảo

[1] Herek, G.M. (1988), *Heterosexuals' attitudes toward lesbians and gay men: Correlates and gender differences* (*Thái độ của người dị tính đối với người đồng tính nữ và đồng tính nam: Các yếu tố liên quan và sự khác biệt giới tính*), Journal of sex research, 25(4), 451-477.

[2] Kite, M.E. (1998), *Component Measure of Attitudes Toward Homosexuality* (*Thang đo thành phần thái độ đối với đồng tính luyến ái*), Handbook of Sexuality-Related Measures.

[3] Kite, M.E. & Whitley, B.E. (1996), *Sex Differences in Attitudes Toward Homosexual Persons, Behaviors, and Civil Rights: A Meta-Analysis* (*Khác biệt giới tính trong thái độ đối với người đồng tính, hành vi đồng tính và quyền công dân: Một phân tích tổng hợp*), Personality and Social Psychology Bulletin, 22(4), 336-353, doi: 10.1177/0146167296224002.

[4] Kurdek, L.A. (1988), *Correlates of negative attitudes toward homosexuals in heterosexual college students* (*Các yếu tố liên quan đến thái độ tiêu cực đối với người đồng tính ở sinh viên đại học dị tính*), Sex Roles, 18(11), 727-738, doi: 10.1007/BF00288057.

[5] Stark, L.P. (1991), *Traditional gender role beliefs and individual outcomes: An exploratory analysis* (*Niềm tin vào vai trò giới truyền thống và các kết quả cá nhân: Một phân tích khám phá*), Sex Roles, 24(9), 639-650, doi: 10.1007/BF00288419.

[6] Whitley, B.E. & Kite, M.E. (1995), *Sex differences in attitudes toward homosexuality: A comment on Oliver and Hyde (1993)* (*Khác biệt giới tính trong thái độ đối với đồng tính luyến ái: Một bình luận về nghiên cứu của Oliver và Hyde (1993)*), Psychological Bulletin, 117(1), 146-154, doi: 10.1037/0033-2909.117.1.146.

[7] Yu, Y., Xiao, S., & Xiang, Y. (2011), *Application and testing the reliability and validity of a modified version of Herek's attitudes toward lesbians and gay men scale in China* (*Áp dụng và kiểm định độ tin cậy, giá trị của phiên bản chỉnh sửa từ thang đo thái độ đối với người đồng tính của Herek tại Trung Quốc*), J Homosex, 58(2), 263-274, doi: 10.1080/00918369.2011.540182.

[8] Đồng Thị Yến, Trần Thu Hương, Phạm Thị Thu Hoa (2019), *Định kiến đối với người đồng tính: Nghiên cứu khảo sát trên sinh viên*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[9] Lương Thế Huy, Phạm Quỳnh Phương (2015), *Có phải bởi vì tôi là LGBT? Phân biệt đối xử dựa trên khuynh hướng tính dục và bản dạng giới ở Việt Nam*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.

[10] Viện nghiên cứu Xã hội Kinh tế và Môi trường (ISEE) & Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS) (2021), *Đánh giá tác động kinh tế của chính sách về hôn nhân cùng giới tại Việt Nam*, nguồn: https://vess.org.vn/wp-content/uploads/2021/12/Tai-lieu-ISEE-VESS-20211222.pdf.